TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Thị Ánh Hương**
2. Ông **Nguyễn Xuân Ban**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh -** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST–DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **La V**. Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị T**. Sinh năm: 1993.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện L, Lâm Đồng.

Chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện L, Thanh Hóa.

(*Tại phiên tòa, anh V có mặt, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh La V trình bày:

Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì chị T bỏ đi đến nay. Nguyên nhân là do không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ hai năm nay. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên anh yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 01 con chung là La Thanh T – sinh ngày 06/4/2011. Từ khi chị T bỏ đi, con chung vẫn ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh V không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 04/3/2019 và Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 04/3/2019, bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh V kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh La V thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi lần say rượu thì kiếm cớ chửi bới, đánh đập chị, có lần còn đuổi chị ra khỏi nhà. Đến đầu năm 2017, chị không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Chiềng Khạt, xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa sinh sống đến nay. Nay anh V yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác định có một 01 con chung như anh V trình bày. Hiện con đang ở cùng anh V. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh V. Đồng thời chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do chị T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh V về việc xin ly hôn với chị T. Giao con chung là La Thanh T – sinh ngày 06/4/2011 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Mặc dù chị T đã chuyển về thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên anh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết. Đồng thời chị T cũng đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh V và chị T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên anh V giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Chị T vắng mặt nhưng tại Bản tự khai chị T cũng đồng ý ly hôn với anh V. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh V, xử cho anh V và chị T được ly hôn là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Anh V, chị T có 01 con chung là La Thanh T – sinh ngày 06/4/2011. Khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T cũng đồng ý giao con cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, Trẻ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ ly hôn nên cần căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao Trẻ cho anh V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh V không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Anh V xác định không có và không yêu cầu gì, còn chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh V xác định không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Anh V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh La V, xử cho anh La V và chị Lê Thị T được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là La Thanh T – sinh ngày 06/4/2011 cho anh V có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000982 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/4/2019). Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Trung Kiên